

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST  
Ngày 28-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Lộc;

Ông Nguyễn Quốc Trung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thu Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Cái Nước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:***  
Ông Trịnh Tùng Kháng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 24  
tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS  
ngày 08 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị B, sinh ngày 01/01/1984 tại tỉnh Cà Mau. Nơi ĐKNKTT:  
Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp 7, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau;  
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;  
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị T; chồng:  
Lâm Văn Tr, con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày  
23/5/2022; bị cáo bị tạm giam có mặt.

***- Bị hại:*** Lê Thanh H, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Lâm Văn Tr, sinh  
năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau.

***- Người làm chứng:*** Bà Dương Mộng Th, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 14/01/2022, sau khi bà Lê Thanh H đi bộ đến tiệm tạp hóa của ông Dương Thanh gần nhà bà H thuộc ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước mua card điện thoại, trên đường về thì gặp Lâm Văn Tr (chồng Lê Thị B), anh Tr hỏi bà H về việc con trai bà H nhắn tin rủ Tr đánh nhau nên giữa bà H và anh Tr xảy ra mâu thuẫn cự cãi, có nhiều lời lẽ thô tục mắng chửi nhau. Lúc này, B từ trong nhà ông Lê Văn Tý (cha ruột của B) nghe cự cãi nên đi ra đến chỗ bà H và Tr đang cự cãi thì giữa B và bà H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bà H vừa đi về nhà vừa chửi nhau với B, B đi theo bà H để tiếp tục cự cãi xỉ vả, nhục mạ xúc phạm nhau.

Khi bà H đi được khoảng 90m thì B ngăn cản bà H lại, cả hai xông vào ẩu đả dùng tay nắm tóc đánh và câu vật nhau cùng té ngã xuống mặt lộ bê tông, bà H nhặt được khúc cây gỗ, kích thước 36,5cm x 3cm (cây gỗ của công trình dùng để cố định miếng ván khép học đồ bê tông lộ) đánh vào đầu của B gây thương tích rách da, chảy máu, B giật khúc cây gỗ bà H đang cầm quăng bỏ rồi câu vật bà H té nằm ngửa trên mặt lộ, B bật dậy ngồi đè trên bụng của bà H, dùng nắm đấm hai tay đánh mạnh liên tiếp nhiều cái vào hai bên mặt bà H gây sưng nề bầm tím, đánh được một lúc thì B tự dừng lại. Sau đó, bà H vùng vẫy đứng dậy chạy đi về đến đoạn đường vào nhà thì ngã quỵ xuống lộ ngất xỉu. Lúc này, B nhặt được cây xẻng của công trình có sẵn tại hiện trường đuổi đi theo bà H thì được anh Tr giật lấy cây xẻng quăng bỏ, B tiếp tục đi đến chỗ bà H nằm dùng hai tay nắm tóc bà H đè dập xuống mặt lộ khoảng hai ba cái thì chị Trương Thúy Phượng (con bà H) chạy đến can ngăn và ôm che chắn không cho B đánh bà H, B tiếp tục nhặt viên gạch gần đó đe dọa nhưng không đánh bà H mà quăng bỏ. Sự việc được Công an xã Lương Thế Trân tiếp nhận tin báo có mặt kịp thời, tiến hành mời những người có liên quan để làm việc, gia đình đưa bà H đến Bệnh viện đa khoa Cà Mau cấp cứu và điều trị.

Quá trình điều tra, Lê Thị B đã thừa nhận đã thực hiện hành vi dùng hai tay đánh vào mặt của bà H gây thương tích nhưng không thừa nhận dùng hai tay nắm đầu bà H dập xuống mặt lộ bê tông làm bà H bị thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/TgT-22 ngày 18/02/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Cà Mau kết luận:

- 01 vết phẫu thuật vùng thái dương trái, kích thước 01cm x 0,1cm. Tỷ lệ 03%.
- 01 mảng bầm vùng má trái, kích thước 6,5cm x 3,5cm. Không xếp tỷ lệ %.
- 01 vết sạm da vùng gò phải, kích thước 1: 02cm x 01cm, kích thước 2: 01cm x 01cm. Không xếp tỷ lệ %.
- 01 vết sạm da vùng gò phải, kích thước 1: 02cm x 01cm, kích thước 2: 01cm x 01cm. Không xếp tỷ lệ %.
- 01 vết sạm da vùng gò trái, kích thước 04cm x 3,5cm. Không xếp tỷ lệ %.

- 01 mảng bầm đầu trong xương đòn trái, kích thước 06cm x 4,5cm. Không xếp tỷ lệ %.

- Vỡ thành trước và bên xoang hàm trái, tỷ lệ 09%. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.

- Vỡ thành ngoài hốc mắt trái, tỷ lệ 07%. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.

- Gãy 2 đoạn cung gò má trái, tỷ lệ 10%. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.

- Mắt phải và mắt trái giảm thị lực do bệnh lý. Không xếp tỷ lệ %.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định tính theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế là: 26%.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 (một) khúc gỗ, có kích thước dài 36,5cm, đường kính 03cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H yêu cầu bị cáo B bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh với tổng số tiền 51.330.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau truy tố Lê Thị B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

*\* Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị B từ 09 tháng đến 01 năm tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị B phải bồi thường cho bị hại Lê Thanh H tổng số tiền 17.174.500 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng liên quan đến tội phạm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) khúc gỗ, có kích thước dài 36,5cm, đường kính 03cm.

Bị cáo và bị hại không tham gia tranh luận. Bị cáo trình bày lời nói sau cùng là do nhất thời nóng nảy không kiềm chế được, bị cáo đã ăn năn, hối cải và hiện nuôi con nhỏ nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cái Nước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Theo Cáo trạng truy tố và lời khai nhận tội của bị cáo B tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước trong việc tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thanh H với ông Lê Văn Tý nên khoảng 14 giờ 00 ngày 14/01/2022 sau khi bà H đến tiệm tạp hóa của ông Dương Thanh ở ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước mua casd điện thoại, trên đường đi về nhà thì gặp vợ chồng Lâm Văn Tr và Lê Thị B xảy ra mâu thuẫn cự cãi, B và bà H ẩu đả câu vật đánh nhau làm cả hai té xuống lộ xi măng, B và bà H dùng tay câu vật đánh nhau, bà H lấy khúc cây đánh vào đầu của B gây thương tích, B dùng tay đánh bà H nhiều cái vào mặt, nắm tóc bà H đè đập xuống mặt lộ xi măng gây thương tích cho bà H với tỷ lệ tổn thương cơ thể theo kết luận giám định là 26%.

Tại phiên tòa, bị cáo B thừa nhận đã thực hiện hành vi dùng hai tay đánh vào mặt của bà H gây thương tích, nhưng không thừa nhận dùng hai tay nắm đầu bà H đập xuống lộ bê tông làm bà H bị thương tích, B cho rằng trong lúc câu vật với bà H và té ngã xuống lộ xi măng thì không biết bà H có bị đập đầu xuống xi măng hay không thì B không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua xem xét lời khai của bị cáo B, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng cụ thể như: Lời khai của Võ Thị Thắm (Bút lục từ 65 đến 68) xác định “*Tôi thấy B dùng tay nắm tóc bà H giật đè đầu bà H xuống lộ. Sau đó giật đầu bà H lên và tiếp tục đè đầu xuống lộ 03 lần...*”; lời khai của Lê Mộng Th (Bút lục từ 69 đến 72) xác định “*B dùng một tay nắm đầu bà Hồng giật xuống đất khoảng ba đến bốn cái*”, “*B nắm tóc của bà H kéo lên đập xuống lộ khoảng ba lần...*”; lời khai của bị cáo B (Bút lục số 86, 87) không nhớ có đập đầu bà H xuống lộ không; lời khai của bị hại H (Bút lục 48) cũng xác định “*B dùng tay nắm tóc tôi, quật đầu tôi xuống lộ liên tục*”. Tất cả các lời khai trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, giấy chứng nhận thương tích, kết luận giám định... Tuy bị cáo B không thừa nhận dùng hai tay nắm đầu bà H đập xuống lộ bê tông làm bà H bị thương tích nhưng thừa nhận thương tích của bà H là do bị cáo gây ra. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thương tích của bị hại Lê Thanh H là do bị cáo Lê Thị B gây ra với tổng tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định là 26%.

Bị cáo B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức biết rõ

việc xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn không đáng có mà bị cáo B đã dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, nắm tóc bà H đè đập xuống mặt lộ xi măng gây thương tích cho bà H, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo Lê Thị B đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước truy tố bị cáo Lê Thị B là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của bị hại một cách trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, với lỗi cố ý trực tiếp, giữa bị cáo với bị hại có mối quan hệ gia đình bị hại là cô ruột của bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, lẽ ra hai bên bàn bạc, dàn xếp cho ổn thỏa, nhưng bị cáo đã cố ý gây thương tích cho bị hại, thể hiện ý thức bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác, nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm minh. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo đã thực hiện để có thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội đã gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại cũng có một phần lỗi nên xem đây là những tình tiết làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà H yêu cầu bị cáo B bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh với tổng số tiền 51.330.000 đồng, cụ thể: Tiền sữa 12 ngày x 280.000 đồng/lóc 6 hộp = 3.360.000 đồng; tiền mất thu nhập từ ngày ra viện đến nay 4 tháng x 10.000.000 đồng/tháng = 40.000.000 đồng; tiền mất thu nhập người nuôi bệnh (chồng bị hại) 12 ngày x 250.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng; tiền mất thu nhập khi xuất viện về không đi làm được phải nuôi bệnh 15 ngày x 250.000 đồng/ngày = 3.750.000 đồng; tiền ăn người nuôi bệnh 12 ngày x 60.000 đồng = 720.000 đồng; tiền taxi đi và về = 500.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần. Tại phiên tòa bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Thấy rằng, thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra, nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại thực tế cho bị hại là đúng quy định của pháp luật tại các Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Theo hồ sơ thể hiện bà Hồng

nhập viện điều trị 12 ngày (từ ngày 14/01/2022 đến ngày 25/01/2022), bà H có cung cấp toa vé kèm theo tổng số tiền điều trị là 2.175.106 đồng (Bút lục 200, 201, 209) nên có căn cứ chấp nhận. Đối với các khoản khác bà H yêu cầu có cơ sở chấp nhận gồm: Tiền taxi đi và về bị hại không cung cấp được toa vé nhưng phù hợp với thực tế được chấp nhận = 500.000 đồng; tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh theo thu nhập bình quân tại địa phương 12 ngày x 200.000 đồng/ngày x 02 người = 4.800.000 đồng; tiền ăn của người bệnh và người nuôi bệnh 12 ngày x 60.000 đồng/ngày x 02 người = 1.440.000 đồng; tiền sữa cho người bệnh 12 ngày x 60.000 đồng/lóc = 720.000 đồng và tiền tổn thất về tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở = 10 tháng lương x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000 đồng. Do đó, tổng số tiền thiệt hại của bị hại buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường là 24.535.000 đồng (làm tròn). Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng là 30.000.000 đồng nên số tiền không được chấp nhận là 5.465.000 đồng. Xét thấy, trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi nên Hội đồng xét xử chia lỗi 7/3 do đó số tiền được tính bị cáo 70%, bị hại 30% trên tổng số tiền được chấp nhận là 24.535.000 đồng (24.535.000 đồng x 70% = 17.174.500 đồng). Do đó, buộc bị cáo B bồi thường thiệt hại cho bị hại H tổng số tiền là 17.174.500 đồng (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

[6] Từ những phân tích nêu trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) đôi bông tai kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng và 01 (một) nón lá, quai màu xanh lá, viền đen (đã qua sử dụng), trong quá trình điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho bà H là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

Đối với vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng nên tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) khúc gỗ có kích thước 36,5cm, đường kính 3,0cm (đã qua sử dụng).

Đối với Lê Thanh H đã có hành vi dùng khúc cây gỗ đánh trúng đầu của bị cáo B gây thương tích, bà H đã thừa nhận hành vi này. Tuy nhiên, bị cáo B không yêu cầu giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bà H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình; đã ra Quyết định số 115/QĐ-XPHC ngày 15/8/2022 xử phạt hành chính đối với bà H với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “*Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” là có căn cứ và phù hợp nên không đặt ra xem xét.

Đối với Lâm Văn Tr là người trực tiếp chứng kiến bà H và bị cáo B đánh nhau nhưng không can ngăn, Tr không thừa nhận có hành vi kích động, xúi giục và chưa đủ cơ sở chứng minh nên không xem có vai trò giúp sức, đồng phạm với bị cáo B. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước không đề cập xử lý là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo B phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị B 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị B phải bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thanh H số tiền 17.174.500 đồng (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khúc gỗ có kích thước 36,5cm, đường kính 3,0cm (đã qua sử dụng).

*Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/8/2022.*

5. Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thị B phải chịu nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% buộc bị cáo Lê Thị B phải chịu nộp 859.000 đồng (Tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) làm tròn số.

Án xử sơ thẩm công khai, người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Công an huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tạo**